

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4268/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 16 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập và Ủy ban nhân dân phường trên địa bàn Quận 6

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ quận 6 lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 về “Cải cách hành chính” giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn Quận 6 giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 1663/NV ngày 10 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính (viết tắt là Chỉ số CCHC) của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập khối giáo dục, đơn vị sự nghiệp công lập khác (gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập) và Ủy ban nhân dân phường trên địa bàn Quận 6, với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

1.1. Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân phường và mở rộng đối tượng đánh giá Chỉ số CCHC là các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn quận trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ quận 6 lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 về “Cải cách hành chính” giai đoạn 2020-2025 hướng tới thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2020-2025 của Thành phố; góp phần để Thành phố nâng cao chỉ số cải cách trong nhóm 5 tỉnh, thành phố giai đoạn 2020-2025, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập đối với người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường hành chính, kinh doanh và cung cấp dịch vụ công bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch.

1.2. Xây dựng bộ tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá phù hợp để từ đó đánh giá được Chỉ số CCHC của từng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường.

Hàng năm, tổ chức triển khai thực hiện và công bố Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường để kịp thời động viên, khen thưởng và tuyên truyền công tác cải cách hành chính; tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao ý thức trách nhiệm, tập trung chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ tốt hơn, làm cơ sở đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong nhiệm vụ cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

1.3. Chú trọng công tác CCHC hướng tới xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư, góp phần nâng cao Chỉ số CCHC hàng năm của Quận.

2. Yêu cầu

2.1. Bám sát nội dung công tác cải cách hành chính giai đoạn 2020 - 2025 của Chính phủ và Thành phố.

2.2. Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai công tác cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập và Ủy ban nhân dân phường.

2.3. Tăng cường sự phối hợp tham gia đánh giá, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận đối với quá trình triển khai cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân phường.

3. Phạm vi và đối tượng áp dụng

3.1. **Phạm vi áp dụng:** công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận và Ủy ban nhân dân 14 phường.

3.2. **Đối tượng áp dụng:** các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, đơn vị sự nghiệp công lập khối giáo dục, đơn vị sự nghiệp công lập khác và Ủy ban nhân dân phường trên địa bàn quận.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần, thang điểm và phương pháp đánh giá của Chỉ số CCHC.

1. **Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận (viết tắt là các cơ quan), (đính kèm Phụ lục 1)**

1.1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần

1.1.1. **Mục I:** Đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính được xác định trên **07 lĩnh vực, 30 tiêu chí và 28 tiêu chí thành phần.**

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: **05 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;**

- Cải cách thể chế: **04 tiêu chí và 04 tiêu chí thành phần**

- Cải cách thủ tục hành chính: **05 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần;**

- Cải cách tổ chức bộ máy: **02 tiêu chí;**

- Cải cách chế độ công vụ: **05 tiêu chí;**

- Cải cách tài chính công: **03 tiêu chí;**

- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: **06 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;**

1.1.2. **Mục II:** Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính, gồm có **07** mục điểm thưởng và **09** mục điểm trừ (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

1.1.3. **Mục III:** Tác động của công tác cải cách hành chính

- Đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6.

Bộ tiêu chí của các cơ quan được nêu chi tiết tại **Phụ lục 1.**

1.2. Thang điểm đánh giá: Tổng số điểm đánh giá là 100 điểm.

- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại **Mục I Phụ lục 1** là **85/100 điểm**.

- Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính tại **Mục II Phụ lục 1** là **05/100 điểm** (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

- Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 **Mục III Phụ lục 1** là **10/100 điểm**.

1.3. Phương pháp đánh giá

- Tự đánh giá của các cơ quan:

Thủ trưởng cơ quan trực tiếp theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC các cơ quan và hướng dẫn của Phòng Nội vụ. Điểm các cơ quan tự đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm tự đánh giá” của **Mục I và Mục II Phụ lục 1**.

- Điểm tự đánh giá của các cơ quan được Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan như: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin thẩm định, xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

- Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6:

+ Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 đánh giá kết quả giám sát công tác cải cách hành chính tại **Mục III của Phụ lục 1**;

+ Điểm đánh giá là 10 điểm, được thể hiện tại cột “Ghi chú” có các dòng chữ viết tắt “UBMTTQVN quận chấm” của **Mục III Phụ lục 1**.

2. Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân phường (đính kèm Phụ lục 2)

2.1. Các nhiệm vụ, tiêu chí, tiêu chí thành phần

2.1.1. Mục I: Đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính được xác định trên **07 lĩnh vực, 30 tiêu chí và 34 tiêu chí thành phần**.

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: **05 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần**;

- Cải cách thể chế: **04 tiêu chí**.

- Cải cách thủ tục hành chính: **06 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần**;

- Cải cách tổ chức bộ máy: **01 tiêu chí**;

- Cải cách chế độ công vụ: **05 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần**;

- Cải cách tài chính công: **03 tiêu chí.**

- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: **06 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần;**

2.1.2. Mục II: Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính, gồm có **07** mục điểm thưởng và **09** mục điểm trừ (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

2.1.3. Mục III: Tác động của công tác cải cách hành chính

Đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6.

Bộ tiêu chí của các cơ quan được nêu chi tiết tại **Phụ lục 2.**

2.2. Thang điểm đánh giá: Tổng số điểm đánh giá là 100 điểm.

- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại **Mục I Phụ lục 2** là **85/100 điểm.**

- Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính tại **Mục II Phụ lục 2** là **05/100 điểm** (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

- Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 **Mục III Phụ lục 2** là **10/100 điểm.**

2.3. Phương pháp đánh giá

- Tự đánh giá của Ủy ban nhân dân các phường:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực tiếp theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của phường theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC Ủy ban nhân dân phường và hướng dẫn của Phòng Nội vụ. Điểm các cơ quan tự đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm tự đánh giá” của **Mục I và Mục II Phụ lục 2.**

- Điểm tự đánh giá của các cơ quan được Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan như: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin thẩm định, xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

- Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6:

+ Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 đánh giá kết quả giám sát công tác cải cách hành chính tại **Mục III của Phụ lục 2;**

+ Điểm đánh giá là 10 điểm, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng chữ viết tắt “UBMTTQVN quận chấm” của **Phụ lục 2.**

3. Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị sự nghiệp công lập khối giáo dục (đính kèm Phụ lục 3)

3.1. Các nhiệm vụ, tiêu chí, tiêu chí thành phần

3.1.1. Mục I: Đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính được xác định trên **06 lĩnh vực, 19 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần.**

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: **05 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;**

- Cải cách thủ tục hành chính: **03 tiêu chí;**

- Cải cách tổ chức bộ máy: **01 tiêu chí;**

- Cải cách chế độ công vụ: **06 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần;**

- Cải cách tài chính công: **03 tiêu chí.**

- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: **02 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần;**

3.1.2. Mục II: Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính, gồm có **06** mục điểm thưởng và **09** mục điểm trừ (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

3.1.3. Mục III: Tác động của công tác cải cách hành chính

Đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6.

Bộ tiêu chí của các cơ quan được nêu chi tiết tại **Phụ lục 3.**

3.2. Thang điểm đánh giá: *Tổng số điểm đánh giá là 100 điểm.*

- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại **Mục I Phụ lục 3** là **85/100 điểm.**

- Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính tại **Mục II Phụ lục 3** là **05/100 điểm** (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

- Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 **Mục III Phụ lục 3** là **10/100 điểm.**

3.3. Phương pháp đánh giá

- *Tự đánh giá của đơn vị sự nghiệp công lập khối giáo dục:*

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp khối giáo dục trực tiếp theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn của Phòng Nội vụ. Điểm các cơ quan tự đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm tự đánh giá” của **Mục I và Mục II Phụ lục 3.**

- Điểm tự đánh giá của các đơn vị được Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan như: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

- *Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6:*

+ Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 đánh giá kết quả giám sát công tác cải cách hành chính tại **Mục III của Phụ lục 3;**

+ Điểm đánh giá là 10 điểm, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng chữ viết tắt “UBMTTQVN quận chấm” của **Phụ lục 3.**

4. Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị sự nghiệp công lập khác (đính kèm Phụ lục 4)

4.1. Các nhiệm vụ, tiêu chí, tiêu chí thành phần

4.1.1. Mục I: Đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính được xác định trên **05 lĩnh vực, 16 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.**

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: **05 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;**

- Cải cách tổ chức bộ máy: **02 tiêu chí.**

- Cải cách chế độ công vụ: **04 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần;**

- Cải cách tài chính công: **03 tiêu chí.**

- Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: **02 tiêu chí.**

4.1.2. Mục II: Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính, gồm có **06** mục điểm thưởng và **08** mục điểm trừ (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

4.1.3. Mục III: Tác động của công tác cải cách hành chính

Đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6.

Bộ tiêu chí của các cơ quan được nêu chi tiết tại **Phụ lục 4.**

4.2. Thang điểm đánh giá: *Tổng số điểm đánh giá là 100 điểm.*

- Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại **Mục I Phụ lục 4 là 85/100 điểm.**

- Điểm thưởng, điểm trừ trong công tác cải cách hành chính tại **Mục II Phụ lục 4 là 05/100 điểm** (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm).

- Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 **Mục III Phụ lục 4 là 10/100 điểm.**

4.3. Phương pháp đánh giá

- *Tự đánh giá của đơn vị sự nghiệp công lập khác:*

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập khác trực tiếp theo dõi, đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn của Phòng Nội vụ. Điểm các cơ quan tự đánh giá được thể hiện tại cột “Điểm tự đánh giá” của **Mục I và Mục II Phụ lục 4.**

- Điểm tự đánh giá của các cơ quan được Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan như: Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa và Thông tin thẩm định, xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

- *Điểm đánh giá của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6:*

+ Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 đánh giá kết quả giám sát công tác cải cách hành chính tại **Mục III của Phụ lục 4;**

+ Điểm đánh giá là 10 điểm, được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng chữ viết tắt “UBMTTQVN quận chấm” của **Phụ lục 4.**

5. Xếp loại đối với Chỉ số CCHC

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quyết định công bố Chỉ số CCHC và xếp loại đối với các cơ quan, đơn vị thuộc UBND quận và Ủy ban nhân dân phường theo số điểm đánh giá như sau:

- Đạt từ 90 đến 100 điểm: xếp loại **Xuất sắc;**
- Đạt từ 80 – dưới 90 điểm: xếp loại **Tốt;**
- Đạt từ 70 – dưới 80 điểm: xếp loại **Khá;**
- Đạt từ 60 – dưới 70 điểm: xếp loại **Trung bình;**
- Dưới 60 điểm: xếp loại **Yếu.**

III. CÁC GIẢI PHÁP

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị và các phường đối với việc xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ đạo việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính một cách nghiêm túc, đầy đủ, có sáng tạo, hiệu quả theo kế hoạch cải cách hành chính hàng năm.

- Chỉ đạo việc thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính một cách thường xuyên, liên tục, bảo đảm trung thực, khách quan trong việc tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo các kết quả cải cách hành chính.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nội dung của Chỉ số CCHC dưới nhiều hình thức khác nhau (tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử quận 6, Tuần tin quận 6, trên hệ thống loa cố định, loa lưu động của các phường, tuyên truyền thông qua họp khu phố, tổ dân phố...) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, các phường.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND quận và Ủy ban nhân dân phường

- Các cơ quan, đơn vị: phân công nhiệm vụ cho công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính thực hiện công tác theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai công tác cải cách hành chính.

- Các cơ quan chủ trì các nhiệm vụ cải cách hành chính theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận tại kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2020 – 2025, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm tổng hợp tình hình, kết quả triển khai cải cách hành chính đối với các nhiệm vụ được giao phụ trách để hàng năm phối hợp với Phòng Nội vụ và các phòng, ban, ngành có liên quan trong việc thẩm định, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính của các cơ quan, các phường.

- Ủy ban nhân dân phường: phân công nhiệm vụ cho công chức phụ trách công tác cải cách hành chính thực hiện công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính của phường.

4. Lấy kết quả đánh giá Chỉ số CCHC để làm điều kiện xét chế độ thi đua, khen thưởng; xem xét trách nhiệm người đứng đầu

- Chỉ đề nghị xem xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường khi Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân phường được xếp loại **“Tốt”** trở lên.

- Không đề nghị xem xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường khi Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân phường được xếp loại **“Trung bình”** trở xuống.

- Ủy ban nhân dân quận xem xét xử lý đối với Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nếu Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân phường đó có **02 năm liên tục xếp loại “Trung bình”** hoặc trong năm đánh giá xếp loại **“Yếu”**.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

1.1. Phòng Nội vụ quận 6

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường trên địa bàn Quận 6 triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và các phường trên địa bàn Quận 6 triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC hàng năm theo quy định.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC trình Ủy ban nhân dân quận ban hành; chủ trì tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân quận tổ chức công bố Chỉ số CCHC hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện không hiệu quả hoặc không triển khai các công tác cải cách hành chính, đánh giá Chỉ số CCHC theo yêu cầu.

- Lấy kết quả công tác cải cách hành chính và đánh giá Chỉ số CCHC làm điều kiện để xét thi đua, khen thưởng CCHC.

- Tham mưu thực hiện điểm 4 Mục III tại Điều 1 của Quyết định này.

1.2. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch quận 6

Bố trí kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC; hướng dẫn Phòng Nội vụ lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hàng năm của Phòng Nội vụ theo quy định.

1.3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 6 phối hợp với Phòng Nội vụ quận 6 trong việc theo dõi, đánh giá công tác cải cách hành chính đối với từng nhiệm vụ công tác cải cách hành chính theo phân công của Ủy ban nhân dân quận 6.

1.4. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị trường học thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường

- Chỉ đạo tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo xác định Chỉ số CCHC của cơ quan theo hướng dẫn của Phòng Nội vụ quận 6.

- Trực tiếp ký duyệt các văn bản liên quan đến công tác đánh giá Chỉ số CCHC gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ để tổng hợp trình Thường trực Ủy ban nhân dân quận theo quy định).

- Chỉ đạo triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân phường theo hướng dẫn của Phòng Nội vụ quận 6.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách của quận và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6916/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 về việc ban hành Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập và Ủy ban nhân dân phường trên địa bàn Quận 6.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị trường học thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND TP.HCM (để báo cáo);
- Sở Nội vụ TP.HCM (để báo cáo);
- TT.Quận ủy Q6; ✓
- TT.UBND Q6: CT, PCT/KT;
- BTT.UB.MTTQ VN Q6 (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, PNV, TH.

CHỦ TỊCH



***Lê Thị Thanh Thảo**

PHỤ LỤC 1

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính
đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6

(Kèm theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6)

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
I.	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	85			
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	17			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1			
	Ban hành không quá 30 ngày sau khi UBND quận 6 ban hành: 1				
	Ban hành không kịp thời: 0				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1			
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1				
	Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	1			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	5			
1.2.1	Số lượng báo cáo	2			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo: 2				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung: 0				
1.2.2	Thời gian gửi báo cáo	2			
	Đúng thời hạn: 2				
	Trễ hạn: -0,25/BC				
1.2.3	Thực hiện báo cáo đột xuất	1			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo: 1				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung: 0				
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	2			
	Thực hiện bài viết tuyên truyền CCHC định kỳ hàng quý: 2 (không tính điểm đối với Bài viết tuyên truyền sưu tầm)				
	Không thực hiện 01 bài viết tuyên truyền hoặc gửi bài viết trễ hạn theo quy định: - 0,5				
1.4	Công tác thi đua về CCHC	5			
1.4.1	Xây dựng Kế hoạch, đăng ký và báo cáo kết quả phong trào thi đua CCHC giai đoạn 2023 - 2025	3			
	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua CCHC giai đoạn 2023-2025 kịp thời sau khi UBND Quận ban hành: 1				
	Đăng ký thi đua CCHC định kỳ năm: 1				
	Báo cáo kết quả thi đua CCHC định kỳ năm: 1				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.4.2	Mức độ hoàn thành các nội dung đăng ký thi đua CCHC	2			
	Đạt 100% nội dung đăng ký: 2				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% nội dung đăng ký: 1				
	Đạt dưới 100% nội dung đăng ký: 0				
1.5	Sáng kiến trong CCHC	2			
1.5.1	Gửi Bản đăng ký sáng kiến CCHC: 1 điểm				
	Không gửi Bản đăng ký: 0 điểm				
1.5.2	Báo cáo kết quả sáng kiến CCHC theo văn bản đề nghị: 1 điểm				
	Không gửi báo cáo kết quả sáng kiến theo văn bản đề nghị: - 0,5 điểm				
2	Cải cách thể chế	5			
2.1	Công tác soạn thảo, ban hành VB QPPL	1			
	Soạn thảo, trình UBND quận ban hành VBQPPL đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật: 1				
	Soạn thảo, trình UBND quận ban hành VBQPPL không đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật: 0				
2.2	Góp ý dự thảo VBQPPL	1			
	Góp ý 100% dự thảo VBQPPL do UBND quận, cơ quan chuyên ngành cấp trên yêu cầu (Ý kiến góp ý có chất lượng, gửi VB góp ý đúng thời gian yêu cầu): 1				
	Không tham gia góp ý dự thảo VBQPPL, hoặc gửi văn bản góp ý trễ hạn so với thời gian yêu cầu: -0,2/dự thảo				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.3	Thực hiện rà soát VBQPPL Chủ động rà soát VBQPPL do đơn vị tham mưu UBND quận ban hành và gửi kết quả rà soát về Phòng Tư pháp định kỳ 6 tháng và năm đúng thời gian yêu cầu: 0,25 Không gửi văn bản rà soát hoặc gửi văn bản rà soát VBQPPL trễ: - 0,1/kỳ rà soát Chủ động thực hiện rà soát thường xuyên VBQPPL liên quan ngành, lĩnh vực của đơn vị phụ trách và gửi kết quả về Phòng Tư pháp định kỳ 6 tháng và năm đúng nội dung yêu cầu: 0,25 Không gửi văn bản rà soát hoặc gửi văn bản rà soát VBQPPL trễ: - 0,25/kỳ rà soát Thực hiện rà soát VBQPPL chuyên đề, lĩnh vực theo đề nghị của UBND quận hoặc cơ quan chuyên ngành cấp trên (nội dung rà soát có chất lượng, có đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ,...) từ 03 VBQPPL trở lên; gửi kết quả rà soát đúng hạn: 0,5 Nội dung rà soát không đạt yêu cầu, gửi kết quả trễ hạn: 0	1			
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật	2			
2.4.1	Ban hành văn bản triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan công tác theo dõi thi hành pháp luật theo chỉ đạo của UBND quận: 0,5 Thực hiện thiếu nội dung theo quy định về theo dõi thi hành pháp luật: - 0,2/nội dung				
2.4.2	Báo cáo kết quả thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật đúng nội dung và thời gian quy định: 0,5 Báo cáo thiếu nội dung: -0,2/nội dung; báo cáo trễ hạn: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.4.3	Tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực ngành phụ trách: 0,5				
	<i>Không tổ chức kiểm tra: 0</i>				
2.4.4	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0,5				
	<i>Có nội dung cần kiến nghị, xử lý nhưng không ban hành văn bản: - 0.2/nội dung</i>				
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	17			
3.1	Báo cáo kiểm soát TTHC	3			
3.1.1	Số lượng báo cáo	2			
	<i>Đầy đủ các báo cáo theo quy định: 2</i>				
	<i>Không đầy đủ các báo cáo theo quy định: 0</i>				
3.1.2	Thời gian gửi báo cáo đúng quy định	1			
	<i>100% báo cáo gửi đúng thời gian: 1</i>				
	<i>01 báo cáo gửi không đúng thời gian: -0,5</i>				
3.2	Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết TTHC trễ hạn	2			
	<i>Tất cả TTHC giải quyết trễ hạn có tham mưu Chủ tịch UBND quận thư xin lỗi: 2</i>				
	<i>Tham mưu Chủ tịch UBND quận thư xin lỗi không đầy đủ đối với số TTHC trễ hạn: 0</i>				



STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.3	Thực hiện rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	1			
	Thực hiện 100% nội dung và đúng tiến độ phân công: 0.5				
	Thực hiện dưới 100% nội dung hoặc không đúng tiến độ phân công: 0				
	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC): 0.5				
3.4	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	1			
	100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	10			
3.5.1	Công khai TTHC	2			
	TTHC thuộc nhiệm vụ giải quyết được công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận một cửa và trên Trang thông tin điện tử quận 6: 4				
	TTHC thuộc nhiệm vụ giải quyết được công khai chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.5.2	Triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2			
	100% TTHC thuộc nhiệm vụ giải quyết được thực hiện dưới hình thức một cửa: 2				
	Dưới 100% TTHC thuộc nhiệm vụ giải quyết được thực hiện dưới hình thức một cửa: 0				
3.5.3	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	4			
	Đạt 100%: 4				
	Đạt từ 95% đến dưới 100%: 3				
	Đạt từ 90% đến dưới 95%: 1				
	Đạt dưới 90%: 0				
3.5.4	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt	2			
	Tuân thủ quy trình: 2				
	Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần, rút ngắn thời gian giải quyết...): 0				
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	3			
4.1	Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan	1,5			
	Xây dựng không quá 30 ngày sau khi Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế mẫu: 1,5				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
4.2	Thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực	1,5			
	Triển khai thực hiện, báo cáo đầy đủ và đảm bảo thời gian: 1,5				
5	Cải cách chế độ công vụ	10			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm	2			
	Thực hiện đúng các quy định và xây dựng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm: 2				
	Không thực hiện đúng các quy định và không xây dựng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm: 0				
5.2	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức	2			
	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức theo đúng quy định, hướng dẫn: 2				
5.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức	2			
	Không có công chức bị kỷ luật: 2				
	Có công chức bị kỷ luật ở mức khiển trách: 1				
	Có công chức bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên nhưng không có công chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc: 0,5				
	Có công chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc hoặc lãnh đạo bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên hoặc có trên 02 công chức bị kỷ luật: 0				
5.4	Thực hiện tinh giản biên chế theo Kế hoạch	2			
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 2				
	Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% kế hoạch: 1				
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0,5				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
5.5	Công chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học	2			
	Đạt từ 80% đến 100%: 2				
	Đạt dưới 80% các lớp: 0				
6	Cải cách tài chính công	7			
6.1	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ	3			
	Có xây dựng và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ: 3				
	Có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhưng thực hiện chưa đầy đủ: 2				
	Không xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: 0				
6.2	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ	2			
	Báo cáo đầy đủ theo yêu cầu: 2				
	Báo cáo chậm trễ thời gian quy định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu: 1				
	Không có báo cáo: 0				
6.3	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức	2			
	Có tăng thu nhập cho công chức: 2				
	Không tăng thu nhập cho công chức: 0				
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	26			
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	2			
	Ban hành đúng thời hạn: 1				
	Ban hành trễ: -0,5				
	Không ban hành: 0				



STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.2	<p>Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu</p> <p>Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM)</p> <p>Tính điểm theo công thức: (b/a)* Điểm tối đa. Trong đó :</p> <p>a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung</p> <p>b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</p>	1			
7.3	<p>Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức</p>	12			
7.3.1	<p>Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố</p> <p>100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành: 3</p> <p>80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành: 2</p> <p>Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành: 0</p>	3			
7.3.2	<p>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình</p> <p>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:</p> <p>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến)</p> <p>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình</p>	2			

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.3.3	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	3			
	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 1 Tinh điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến				
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 1 Tinh điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến				
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 1 Tinh điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến				
7.3.4	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	2			
	Xử lý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%: 2				
	Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định: 0				
7.3.5	Báo cáo Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số của Thành phố	2			
	Báo cáo đúng thời gian quy định: 2				
	Báo cáo trễ: -0.5 / BC				
	Không gửi báo cáo: 0 / BC				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	5			
	<i>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đúng quy trình: 5</i>				
7.5	Mức độ sử dụng thư điện tử công việc	4			
7.5.1	Tỷ lệ sử dụng thư điện tử tại đơn vị	2			
	<i>Đạt 100%: 2</i>				
	<i>Đạt từ 90% đến dưới 100%: 1</i>				
	<i>Đạt dưới 90%: 0</i>				
7.5.2	Mức độ quản lý thư điện tử tại đơn vị	1			
	<i>Kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị: 1</i>				
	<i>Không kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị: 0</i>				
7.5.3	Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	1			
	<i>Đạt 40%: 1</i>				
	<i>Đạt dưới 40%: 0</i>				
7.6	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại cơ quan	2			
	<i>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt 100%: 2</i>				Văn bản (không thuộc loại "Mật")
	<i>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt từ 90% đến dưới 100%: 1</i>				
	<i>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt dưới 90%: 0</i>				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thâm định	Ghi chú
II	ĐIỂM THUỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm)	5			
1	Điểm thưởng	+ 5			
1.1	Có từ 02 sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC được công nhận	+ 1			
1.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC đúng thời hạn quy định	+ 1			
1.3	Thực hiện khắc phục các nội dung bị trừ điểm năm trước đạt 100%	+ 1			
1.4	Đơn vị, công chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1			
1.5	Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Quận thực hiện tốt công tác CCHC và được ghi nhận	+ 1			
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1			
1.7	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1			
2	Điểm trừ	- 5			
2.1	Tiếp tục bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC đối với các nội dung bị trừ điểm của năm trước	- 2			
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1			
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệnh quá 3% so với điểm thâm định	- 1			
2.4	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiều của công chức thuộc cơ quan quản lý	- 1			

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.5	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	-1			
2.6	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	-1			
2.7	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND thành phố thông báo công nhận và được UBND quận chỉ đạo phải triển khai thực hiện, mà không có lý do chính đáng	-1			
2.8	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Quận ủy, UBND quận phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 01 điểm/01 lần bị phê bình)	-2			
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	-1			
III	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC	10			
	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10			UB.MTTQVN quận chấm
	Tổng điểm: I + II + III	100			

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

*** Xếp loại:**

- Đạt từ 90 đến 100 điểm: xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 – dưới 90 điểm: xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 – dưới 80 điểm: xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 – dưới 70 điểm: xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: xếp loại **Yếu**.

PHỤ LỤC 2

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính
đối với Ủy ban nhân dân phường

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6)

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	85			
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	22			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1			
	Ban hành không quá 30 ngày sau khi UBND quận 6 ban hành: 1				
	Ban hành không kịp thời: 0				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	2			
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1				
	Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	1			
	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ b/a < 0.8 thì điểm đánh giá là 0				



STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thăm định	Ghi chú
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	8			
1.2.1	Số lượng báo cáo	2			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo: 2				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung báo cáo: 0				
1.2.2	Hình thức báo cáo	1			
	Đảm bảo báo cáo theo đúng Đề cương: 1				
	Không đảm bảo báo cáo theo Đề cương: 0				
1.2.3	Thời gian gửi báo cáo	4			
	Báo cáo đúng thời gian quy định: 4				
	Báo cáo trễ: - 1 / BC				
1.2.4	Thực hiện báo cáo đột xuất	1			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo: 1				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung báo cáo: 0				
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	3			
1.3.1	Bài viết tuyên truyền CCHC	2			
	Thực hiện bài viết tuyên truyền CCHC định kỳ hàng quý: 2 (không tính điểm đối với Bài viết tuyên truyền sưu tầm)				
	Không thực hiện 01 bài viết tuyên truyền hoặc gửi bài viết trễ hạn theo quy định: - 0,5				
1.3.2	Đối thoại của lãnh đạo địa phương với người dân, doanh nghiệp	1			
	Có từ 01 - 02 cuộc đối thoại/diễn đàn được tổ chức trong năm: 1				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.4	Công tác thi đua về CCHC	4			
1.4.1	Xây dựng Kế hoạch, đăng ký và báo cáo kết quả phong trào thi đua CCHC giai đoạn 2023 - 2023	3			
	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua CCHC giai đoạn 2023-2025 kịp thời sau khi UBND Quận ban hành: 1; gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
	Đăng ký thi đua CCHC định kỳ năm theo Kế hoạch Quận: 1; đăng ký thi đua gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
	Báo cáo kết quả thi đua CCHC định kỳ năm theo Kế hoạch Quận: 1; báo cáo gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
1.4.2	Mức độ hoàn thành các nội dung đăng ký thi đua CCHC	1			
	Đạt 100% nội dung đăng ký: 1				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% nội dung đăng ký: 0,5				
	Đạt dưới 80% nội dung đăng ký: 0				
1.5	Sáng kiến trong CCHC	3			
1.5.1	Gửi Bản đăng ký sáng kiến CCHC: 1 điểm				
	Không gửi Bản đăng ký: 0 điểm				
1.5.2	Báo cáo kết quả sáng kiến CCHC theo văn bản đề nghị: 2 điểm				
	Không gửi báo cáo kết quả sáng kiến theo văn bản đề nghị: - 1 điểm				
2	Cải cách thể chế	6			
2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, xử lý VBQPPL	0,5			
	Ban hành kịp thời (Không quá 30 ngày sau khi UBND Quận ban hành): 0,5				
	Ban hành không kịp thời (quá 30 ngày sau khi UBND Quận ban hành) hoặc không ban hành: 0				



STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.2	Góp ý dự thảo VBQPPL của Quận và cấp trên	0,5			
	Góp ý 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do UBND quận, cơ quan chuyên ngành cấp trên yêu cầu (Ý kiến góp ý có chất lượng; gửi văn bản góp ý đúng thời hạn): 0,5				
	Không tham gia góp ý dự thảo VBQPPL, hoặc gửi văn bản góp ý trễ hạn so với thời gian yêu cầu: -0,2/trường hợp				
2.3	Thực hiện rà soát VBQPPL theo yêu cầu của quận, thành phố	2			
	Thực hiện rà soát VBQPPL chuyên đề, lĩnh vực theo đề nghị của UBND quận hoặc cơ quan chuyên ngành cấp trên (nội dung rà soát có chất lượng, có đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ...) từ 03 VBQPPL trở lên; gửi kết quả rà soát đúng hạn: 2				
	Nội dung rà soát không đạt yêu cầu, thời hạn gửi kết quả không đúng: -0,5/trường hợp				
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật	3			
	Ban hành văn bản triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan công tác theo dõi thi hành pháp luật theo chỉ đạo của UBND quận: 1	1			
	Ban hành thiếu văn bản: -0,5/trường hợp				
	Tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung liên quan công tác theo dõi thi hành pháp luật theo quy định và theo chỉ đạo của UBND quận: 1	1			
	Thiếu nội dung theo quy định về theo dõi thi hành pháp luật: -0,25 / nội dung				
	Báo cáo kết quả thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật đầy đủ tất cả nội dung và đúng thời gian quy định: 1	1			
	Báo cáo thiếu nội dung: - 0,25 / nội dung; Báo cáo trễ hạn: 0				
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	15			
3.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC	1			
	Ban hành không quá 30 ngày sau khi UBND quận ban hành: 1				
	Ban hành quá 30 ngày sau khi UBND quận ban hành: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.2	Báo cáo kiểm soát TTHC	2			
3.2.1	Số lượng báo cáo	1			
	Đầy đủ các báo cáo theo quy định: 1				
	Không đầy đủ các báo cáo theo quy định: 0				
3.2.2	Thời gian gửi báo cáo đúng quy định	1			
	100% báo cáo gửi đúng thời gian: 1				
	01 báo cáo gửi không đúng thời gian: - 0,5				
3.3	Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết TTHC trễ hạn	1			
	Tất cả TTHC trễ hạn có thư xin lỗi: 1				
	Thực hiện thư xin lỗi không đầy đủ đối với số TTHC trễ hạn: 0				
3.4	Thực hiện rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	2			
	Thực hiện 100% nội dung và đúng tiến độ phân công: 1	1			
	Thực hiện dưới 100% nội dung hoặc không đúng tiến độ phân công: 0				
	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC): 1	1			
3.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	2			
	100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2				
	Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3.6	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	7			
3.6.1	Công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết công khai đầy đủ, đúng quy định: 1				
	Dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai chưa đầy đủ, hoặc chưa đúng quy định: 0				
3.6.2	Triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1			
	100% TTHC thuộc nhiệm vụ giải quyết thực hiện dưới hình thức một cửa: 1				
	Dưới 100% TTHC thuộc nhiệm vụ giải quyết được thực hiện dưới hình thức một cửa: 0				
3.6.3	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	3			
	Đạt từ 95% đến 100%: 3				
	Đạt từ 90% đến dưới 95%: 2				
	Đạt dưới 90%: 0				
3.6.4	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt	2			
	Tuân thủ quy trình: 2				
	Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần, rút ngắn thời gian giải quyết...): 0				
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	1			
	Rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường theo quy định				
	Đảm bảo thời gian và chất lượng: 1				
	Không đảm bảo thời gian hoặc chất lượng: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
5	Cải cách chế độ công vụ	12			
5.1	Cán bộ, công chức cấp phường	4			
5.1.1	Tỷ lệ đạt chuẩn công chức cấp phường	1			
	Đạt 100% số công chức cấp phường đạt chuẩn: 1				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% số công chức cấp phường đạt chuẩn: 0,5				
	Đạt dưới 80% số công chức cấp phường đạt chuẩn: 0				
5.1.2	Tỷ lệ đạt chuẩn cán bộ cấp phường	2			
	Đạt 100% số cán bộ cấp phường đạt chuẩn: 2				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% số cán bộ cấp phường đạt chuẩn: 1				
	Đạt dưới 80% số cán bộ cấp phường đạt chuẩn: 0,5				
5.1.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp phường được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1			
	Đạt từ 70% số cán bộ, công chức của phường trở lên: 1				
	Đạt từ 50% đến dưới 70% số cán bộ, công chức của phường trở lên: 0,5				
	Đạt dưới 50% số cán bộ, công chức của phường: 0				
5.2	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức	1			
	Thực hiện đánh giá, phân loại công chức theo đúng quy định, hướng dẫn: 1				
5.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức thuộc cơ quan	2			
	Không có công chức bị kỷ luật: 2				
	Có công chức bị kỷ luật ở mức khiển trách: 1				
	Có công chức bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên nhưng không có công chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc: 0				
	Có công chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc hoặc lãnh đạo bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên hoặc có trên 02 công chức bị kỷ luật: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thăm định	Ghi chú
5.4	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	2			
5.4.1	Thực hiện Đề án tinh giản biên chế	1			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>				
5.4.2	Báo cáo tình hình thực hiện tinh giản biên chế	1			
	<i>Báo cáo đúng mẫu và đúng thời gian quy định: 1</i>				
	<i>Báo cáo không đúng mẫu hoặc không đúng thời gian quy định: 0</i>				
5.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm	3			
5.5.1	Cử cán bộ, công chức tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn do Sở Nội vụ tổ chức	1			
	<i>Tham dự từ 90% đến 100% các lớp: 1</i>				
	<i>Tham dự từ 50% đến dưới 90% các lớp: 0,5</i>				
	<i>Tham dự dưới 50% các lớp: 0</i>				
5.5.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học	1			
	<i>Đạt 100%: 1</i>				
	<i>Từ 80% đến dưới 100%: 0,5</i>				
	<i>Dưới 80%: 0</i>				
5.5.3	Thời gian và chất lượng báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền	1			
	<i>Đảm bảo thời gian và chất lượng: 1</i>				
	<i>Đảm bảo thời gian nhưng không chất lượng hoặc ngược lại: 0</i>				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
6	Cải cách tài chính công	6			
6.1	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ	2			
	Có xây dựng và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ: 2				
	Có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhưng thực hiện chưa đầy đủ: 1				
	Không xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: 0				
6.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm	2			
	Báo cáo đánh giá đầy đủ theo yêu cầu: 2				
	Báo cáo chậm trễ thời gian qui định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu: 1				
	Không có báo cáo: 0				
6.3	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức	2			
	Tăng thu nhập cho CBCC: 2				
	Không tăng thu nhập cho CBCC: 0				
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	23			
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	1			
	Ban hành đúng thời hạn: 1				
	Ban hành trễ: -0,5				
	Không ban hành: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.2	<p>Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu</p> <p>Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM)</p> <p>Tính điểm theo công thức: (b/a)* Điểm tối đa. Trong đó:</p> <p>a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung</p> <p>b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</p>	1			
7.3	<p>Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức</p>	10			
7.3.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	2			
	100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành: 2				
	80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành: 1				
	Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành: 0				
7.3.2	<p>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình</p> <p>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:</p> <p>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến)</p> <p>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình</p>	1			
7.3.3	<p>Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố</p> <p>Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 1</p> <p>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:</p> <p>a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính</p> <p>b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</p>	3			

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 1 Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến				
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 1 Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến				
7.3.4	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	2			
	Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%: 2				
	Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định: 0				
7.3.5	Báo cáo Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số của Thành phố	2			
	Báo cáo đúng thời gian quy định: 2				
	Báo cáo trễ: - 0.5 / BC				
	Không gửi báo cáo: 0 / BC				
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3			
	Đã thực hiện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và cung cấp đầy đủ bằng chứng duy trì, cải tiến HTQLCL hàng năm đúng thời hạn yêu cầu: 3				
	Chưa thực hiện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008: 0				
7.5	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức	2			
	Tỷ lệ hài lòng trên 95%: 2				
	Tỷ lệ hài lòng từ 80% đến 95%: 1				
	Tỷ lệ hài lòng dưới 80%: 0				

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.6	Mức độ sử dụng thư điện tử công việc	6			
7.6.1	Tỷ lệ sử dụng thư điện tử tại đơn vị	2			
	Đạt 100%: 2				
	Đạt từ 90% đến dưới 100%: 1				
	Đạt dưới 90%: 0				
7.6.2	Mức độ quản lý thư điện tử tại đơn vị	1			
	Kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị:				
	1				
	Không kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị: 0				
7.6.3	Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	1			
	Đạt 40%: 1				
	Đạt dưới 40%: 0				
7.6.4	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại cơ quan	1			
	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt 100%: 1				
	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt từ 90% đến dưới 100%: 0,5				
	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt dưới 90%: 0				
II	ĐIỂM THƯỜNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm)	5			
I	Điểm thường (+ điểm)	+5			
1.1	Có từ 02 sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC được công nhận	+1			
1.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC đúng thời hạn quy định	+1			

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm tham định	Ghi chú
1.3	Thực hiện khác phục các nội dung bị trừ điểm năm trước đạt 100%	+1			
1.4	Đơn vị, công chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+1			
1.5	Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Quận thực hiện tốt công tác CCHC và được ghi nhận	+1			
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	+1			
1.7	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+1			
2	Điểm trừ (- điểm)	-5			
2.1	Tiếp tục bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC đối với các nội dung bị trừ điểm của năm trước	-2			
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	-1			
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm tham định	-1			
2.4	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiều của công chức thuộc cơ quan quản lý	-1			
2.5	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý đề báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	-1			
2.6	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	-1			
2.7	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND thành phố thông báo công nhận và được UBND quận chỉ đạo phải triển khai thực hiện, mà không có lý do chính đáng	-1			

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.8	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Quận ủy, UBND quận phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 01 điểm/01 lần bị phê bình)	- 1			
2.9	Chưa ứng dụng thành toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	- 1			
III	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC	10			
	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6				UB.MTTQVN quận 6
	Tổng điểm: I + II + III	100			

*** Xếp loại:**

- Đạt từ 90 đến 100 điểm: xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 – dưới 90 điểm: xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 – dưới 80 điểm: xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 – dưới 70 điểm: xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: xếp loại **Yếu**.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

PHỤ LỤC 3

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính
đối với đơn vị sự nghiệp công lập khối giáo dục: Các đơn vị trường học thuộc Quận 6
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6)

STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	85			
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	21			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1			
	Ban hành không quá 30 ngày sau khi UBND quận 6 ban hành: 1				
	Ban hành không kịp thời: 0				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1			
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1				
	Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra	2			
	Đạt 100% kế hoạch: 2				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 1				
	Dưới 80% kế hoạch: 0				



STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	6			
1.2.1	Số lượng báo cáo	2			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo: 2				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung báo cáo: 0				
1.2.2	Thời gian gửi báo cáo	2			
	Đúng thời hạn: 2				
	Trễ hạn: -0,25/BC				
1.2.3	Thực hiện báo cáo đột xuất	2			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo: 2				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung báo cáo: 0				
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	2			
	Thực hiện bài viết tuyên truyền CCHC định kỳ hàng quý: 2 (không tính điểm đối với Bài viết tuyên truyền sưu tầm)				
	Không thực hiện 01 bài viết tuyên truyền hoặc gửi bài viết trễ hạn theo quy định: - 0,5				
1.4	Công tác thi đua về CCHC	4			
1.4.1	Xây dựng Kế hoạch, đăng ký và báo cáo kết quả phong trào thi đua CCHC giai đoạn 2023 - 2025	3			
	Xây dựng Kế hoạch kịp thời sau khi UBND Quận ban hành: 1; gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
	Đăng ký thi đua CCHC định kỳ năm theo Kế hoạch Quận: 1; đăng ký thi đua gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
	Báo cáo kết quả thi đua CCHC định kỳ năm theo Kế hoạch Quận: 1; báo cáo gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				

STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.4.2	Mức độ hoàn thành các nội dung đăng ký thi đua CCHC	1			
	Đạt 100% nội dung đăng ký: 1				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% nội dung đăng ký: 0,5				
	Đạt dưới 80% nội dung đăng ký: 0				
1.5	Sáng kiến trong CCHC	5			
1.5.1	Gửi Bản đăng ký sáng kiến CCHC: 3 điểm				
	Không gửi Bản đăng ký: 0 điểm				
1.5.2	Báo cáo kết quả sáng kiến CCHC theo văn bản đề nghị: 2 điểm				
	Không gửi báo cáo kết quả sáng kiến theo văn bản đề nghị: - 1 điểm				
2	Cải cách thủ tục hành chính	29			
2.1	Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết TTHC trễ hạn	10			
	Tất cả TTHC trễ hạn có thư xin lỗi: 10				
	Không thực hiện thư xin lỗi: 0				
2.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	7			
	100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 7				
	Dưới 100% số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
2.3	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	12			
	Đạt 100%: 12				
	Đạt từ 95% đến 100%: 8				
	Đạt từ 90% đến dưới 95%: 6				
	Đạt dưới 90%: 4				

STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
3	Cải cách tổ chức bộ máy	2			
	Ban hành, sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh Quy chế làm việc của đơn vị	2			
	Đảm bảo thời gian và chất lượng: 2				
	Không đảm bảo thời gian và chất lượng: 0				
4	Cải cách chế độ công vụ	20			
4.1	Có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm	4			
	Đạt 100%: 4				
	Đạt từ 80% đến dưới 100%: 2				
	Đạt dưới 60%: 1				
4.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị	2			
	Đúng quy định: 2				
	Không đúng quy định: 0				
4.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại viên chức	2			
	<i>Thực hiện đánh giá, phân loại viên chức theo đúng quy định, hướng dẫn:</i>				
	2				
4.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính	4			
	<i>Không có viên chức bị kỷ luật: 4</i>				
	<i>Có viên chức bị kỷ luật ở mức khiển trách: 2</i>				
	<i>Có viên chức bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên nhưng không có viên chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc: 1</i>				
	<i>Có viên chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc hoặc lãnh đạo bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên hoặc có trên 02 viên chức bị kỷ luật: 0</i>				

STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
4.5	Thực hiện tình gián biên chế	5			
4.5.1	Thực hiện tình gián biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	4			
	Có xây dựng Kế hoạch tình gián biên chế: 2				
	Có đối tượng tình gián biên chế: 2				
	Không xây dựng Kế hoạch và không có đối tượng tình gián: 0				
4.5.2	Báo cáo tình hình thực hiện tình gián biên chế	1			
	Báo cáo đúng mẫu và đúng thời gian quy định (6 tháng): 0,5				
	Báo cáo đúng mẫu và đúng thời gian quy định (năm): 0,5				
	Báo cáo sai mẫu: - 0,25/báo cáo				
4.6	Viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức	3			
	Đạt từ 80% đến 100%: 3				
	Đạt dưới 80%: 0				
5	Cải cách tài chính công	7			
5.1	Ban hành cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị	2			
	Có ban hành: 2				
	Không ban hành: 0				
5.2	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện	2			
	Có ban hành: 2				
	Không ban hành: 0				
5.3	Tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho viên chức	3			
	Có tăng thu nhập cho viên chức: 3				
	Không tăng thu nhập cho viên chức: 0				

STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
6	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	6			
6.1	Mức độ sử dụng thư điện tử công việc	4			
6.1.1	Tỷ lệ sử dụng thư điện tử tại đơn vị	3			
	Đạt 100%: 3				
	Đạt từ 90% đến dưới 100%: 2				
	Đạt dưới 90%: 0				
6.1.2	Mức độ quản lý thư điện tử tại đơn vị	1			
	Kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị: 1				
	Không kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị: 0				
6.2	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân và tổ chức	2			
	Tỷ lệ hài lòng trên 95%: 2				
	Tỷ lệ hài lòng từ 80% đến 95%: 1				
	Tỷ lệ hài lòng dưới 80%: 0				
II	ĐIỂM THUỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Cộng, trừ tối đa chỉ 5 điểm)	5			
I	Điểm thưởng	+5			
1.1	Có từ 02 sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC được công nhận	+1			
1.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC đúng thời hạn quy định	+1			
1.3	Thực hiện khắc phục các nội dung bị trừ điểm năm trước đạt 100%	+1			

STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.4	Đơn vị, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+1			
1.5	Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Quận thực hiện tốt công tác CCHC và được ghi nhận	+1			
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chi đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	+1			
2	Điểm trừ	-5			
2.1	Tiếp tục bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC đối với các nội dung bị trừ điểm của năm trước	-2			
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	-1			
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	-1			
2.4	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những khiếu nại của viên chức thuộc cơ quan quản lý	-1			
2.5	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý về báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	-1			
2.6	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chi đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	-1			
2.7	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND thành phố thông báo công nhận và được UBND quận chỉ đạo phải triển khai thực hiện, mà không có lý do chính đáng	-1			
2.8	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Quận ủy, UBND quận phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 01 điểm/01 lần bị phê bình)	-1			
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong cung ứng dịch vụ	-1			

STT	Nhiệm vụ/ Tiêu chí / Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm tham định	Ghi chú
III	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC	10			
	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10			UB.MTTQVN quận chấm
	Tổng điểm: I + II + III	100			

*** Xếp loại:**

- Đạt từ 90 đến 100 điểm: xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 – dưới 90 điểm: xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 – dưới 80 điểm: xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 – dưới 70 điểm: xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: xếp loại **Yếu**.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập khác
(Kèm theo Quyết định số / QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6)

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	85			
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	37			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	9			
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC năm kịp thời	4			
	Ban hành không quá 30 ngày sau khi UBND quận 6 ban hành: 4				
	Ban hành không kịp thời: 0				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	2			
	Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 2				
	Không xác định đầy đủ nhiệm vụ: 0				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	3			
	Đạt 100% kế hoạch: 3				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 2				
	Dưới 80% kế hoạch: 0				

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	11			
1.2.1	Số lượng báo cáo	5			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo: 6				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung báo cáo: - 1/Báo cáo				
1.2.2	Thời gian báo cáo	5			
	Đảm bảo thời gian gửi báo cáo đúng hạn: 5				
	Báo cáo chậm trễ thời gian quy định: -1/Báo cáo				
1.2.3	Thực hiện báo cáo đột xuất	1			
	Đầy đủ số lượng báo cáo và đảm bảo nội dung báo cáo:				
	Không đầy đủ số lượng báo cáo hoặc không đảm bảo nội dung báo cáo: 0				
1.3	Sáng kiến trong CCHC	5			
	Sáng kiến CCHC được triển khai tại quận, có khả năng triển khai áp dụng trên địa bàn Thành phố: 5				
	Sáng kiến CCHC được triển khai thực hiện và mang lại hiệu quả thiết thực, chưa có khả năng triển khai áp dụng trên địa bàn Thành phố: 2				
	Không có sáng kiến: 0				

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	6			
	Thực hiện bài viết tuyên truyền CCHC định kỳ hàng quý: 6 (không tính điểm đối với Bài viết tuyên truyền sưu tầm)				
	Không thực hiện 01 bài viết tuyên truyền hoặc gửi bài viết trễ hạn theo quy định: - 1,5				
1.5	Công tác thi đua CCHC	6			
1.5.1	Xây dựng Kế hoạch, đăng ký và báo cáo kết quả phong trào thi đua CCHC giai đoạn 2023 - 2025	3			
	Xây dựng Kế hoạch phát động kịp thời sau khi UBND Quận ban hành: 1; gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
	Đăng ký thi đua CCHC định kỳ theo Kế hoạch quận: 1; đăng ký thi đua gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
	Báo cáo kết quả thi đua CCHC định kỳ theo Kế hoạch quận: 1; báo cáo gửi không đúng thời gian hoặc không gửi: 0				
1.5.2	Mức độ hoàn thành các nội dung đăng ký thi đua CCHC	3			
	Đạt 100% nội dung đăng ký: 3				
	Đạt từ 80% nội dung đăng ký: 2				
	Đạt dưới 80% nội dung đăng ký: 0				
2	Cải cách tổ chức bộ máy	16			
2.1	Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức/Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị	8			
	Có xây dựng quy định / quy chế: 8				
	Không có xây dựng quy định / quy chế: 0				

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
2.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế / lao động theo quy định	8			
	<i>Không ký hợp đồng làm công tác chuyên môn theo quy định: 8</i>				
	<i>Có ký hợp đồng làm công tác chuyên môn: -1đ/ trường hợp</i>				
3	Cải cách chế độ công vụ	17			
3.1	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức / lao động tại đơn vị	2			
	<i>Đúng quy định: 2</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
3.2	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại viên chức	2			
3.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của viên chức	2			
	<i>Không có viên chức bị kỷ luật: 2</i>				
	<i>Có viên chức bị kỷ luật ở mức khiển trách: 1</i>				
	<i>Có viên chức bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên nhưng không có viên chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc: 0,5</i>				
	<i>Có viên chức bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc hoặc lãnh đạo bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên hoặc có trên 02 viên chức bị kỷ luật: 0</i>				
3.4	Thực hiện tinh giản biên chế	11			
3.4.1	Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	6			
	<i>Có xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế: 3</i>				
	<i>Có đối tượng tinh giản biên chế: 3</i>				
	<i>Không xây dựng Kế hoạch và không có đối tượng tinh giản: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thăm định	Ghi chú
3.4.2	Báo cáo tình hình thực hiện tình gián biên chế	5			
	Báo cáo đúng mẫu và đúng thời gian quy định (6 tháng): 2,5				
	Báo cáo đúng mẫu và đúng thời gian quy định (năm): 2,5				
	Báo cáo sai mẫu hoặc chậm trễ: - 0,25/báo cáo				
4	Cải cách tài chính công	8			
4.1	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ	4			
	Có xây dựng và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ: 4				
	Có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhưng thực hiện chưa đầy đủ: 2				
	Không có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: 0				
4.2	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ	2			
	Báo cáo đầy đủ theo yêu cầu: 2				
	Báo cáo chậm trễ thời gian quy định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu: 1				
	Không có báo cáo: 0				
4.3	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho viên chức	2			
	Có tăng thu nhập cho viên chức: 2				
	Không tăng thu nhập cho viên chức: 0				



STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thăm định	Ghi chú
5	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	7			
5.1	Mức độ sử dụng thư điện tử đại đơn vị	4			
	Đạt 100%: 4				
	Đạt từ 90% đến dưới 100%: 2				
	Đạt dưới 90%: 0				
5.2	Mức độ quản lý thư điện tử tại đơn vị	3			
	Kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị: 3				
	Không kịp thời báo cáo rà soát, thay đổi, cập nhật thông tin sử dụng thư điện tử tại đơn vị: 0				
II	ĐIỂM THUỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Công, Trừ tối đa chỉ 5 điểm)	5			
1	Điểm thưởng	+ 5			
1.1	Có từ 02 sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC được công nhận	+ 1			
1.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC đúng thời hạn quy định	+ 1			
1.3	Thực hiện khắc phục các nội dung bị trừ điểm năm trước đạt 100%	+ 1			
1.4	Đơn vị, công chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1			
1.5	Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Quận thực hiện tốt công tác CCHC và được ghi nhận	+ 1			

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	+1			
2	Điểm trừ	-5			
2.1	Tiếp tục bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC đối với các nội dung bị trừ điểm của năm trước	-2			
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	-1			
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	-1			
2.4	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiều của công chức thuộc cơ quan quản lý	-1			
2.5	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	-1			
2.6	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC quận trong triển khai các hoạt động CCHC	-1			
2.7	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND thành phố thông báo công nhận và được UBND quận chỉ đạo phải triển khai thực hiện, mà không có lý do chính đáng	-1			
2.8	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Quận ủy, UBND quận phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 01 điểm/01 lần bị phê bình)	-1			



STT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
III	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC	10			
	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10			Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Quận chăm
	Tổng điểm: I + II + III	100			

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

*** Xếp loại:**

- Đạt từ 90 đến 100 điểm: xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 – dưới 90 điểm: xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 – dưới 80 điểm: xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 – dưới 70 điểm: xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: xếp loại **Yếu**.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
PHÒNG NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH 3494/QĐ-UBND NGÀY 19/8/2023 CỦA UBND THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN
XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
QUẬN, HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đính kèm Tờ trình số 4268/NV ngày 16 tháng 10 năm 2023)

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
I. PHỤ LỤC 1 - Khối Cơ quan chuyên môn (12 cơ quan)				
1.	Nội vụ	TN		
2.	VP UBND	TN		
3.	TC - KH	TN		
4.	Tư pháp	Góp ý	Phục lục 1, Mục 2.4. Theo dõi thi hành pháp luật (2 điểm), gồm 04 nội dung (bổ sung 02 nội dung): + 2.4.1. Ban hành văn bản triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan công tác theo dõi thi hành pháp luật theo chỉ đạo của UBND quận: 0,5; Thực hiện thiếu nội dung	Phòng Nội vụ thông nhất điều chỉnh Mục 2.4 Theo dõi thi hành pháp luật (2 điểm) , bổ sung 02 nội dung 2.4.3 và 2.4.4. => sẽ điều chỉnh, giảm số điểm Nội dung 1.5 Sáng kiến CCHC (2 điểm) <i>(dự thảo là 3 điểm)</i>



STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
			<p>theo quy định về theo dõi thi hành pháp luật: -0,2/nội dung</p> <p>+ 2.4.2. Báo cáo kết quả thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật đúng nội dung và thời gian quy định: 0,5; Báo cáo thiếu nội dung: -0,2/nội dung; báo cáo trễ hạn: 0</p> <p>+ 2.4.3. Tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực ngành phụ trách: 0,5; Không tổ chức kiểm tra: 0</p> <p>+ 2.4.4. Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0,5; Có nội dung cần kiến nghị, xử lý nhưng không ban hành văn bản: -0,2/nội dung.</p>	
		<p>Cơ cấu lại số điểm công tác cải cách thể chế (Quyết định của UBND thành phố giao 06 điểm).</p>	<p>Phòng Nội vụ thông nhất điều chỉnh, cơ cấu lại số điểm Nội dung 2 Công tác cải cách thể chế (5 điểm), cụ thể:</p> <p>+ Nội dung 2.1 Công tác soạn thảo, ban hành VBQPPL (1 điểm) (<i>dự thảo 0,5 điểm</i>)</p> <p>+ Nội dung 2.2 Góp ý dự thảo VBQPPL (1 điểm) (<i>dự thảo 0,5 điểm</i>)</p> <p>+ Nội dung 2.3 Thực hiện rà soát VBQPPL (1 điểm) (<i>giữ nguyên</i>)</p> <p>+ Nội dung 2.4 Theo dõi thi hành pháp luật (2 điểm) (<i>dự thảo 1 điểm</i>)</p>	

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN) /Góp ý	Nội dung góp ý	
				<p>* Theo Quyết định của UBND Thành phố giao 06 điểm, lý do có 01 nội dung Xử lý vẫn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị (1 điểm) => nội dung này không thuộc thẩm quyền của các phòng, ban mà do UBND Quận trực tiếp chỉ đạo thực hiện xử lý.</p> <p>=> sẽ điều chỉnh, giảm số điểm Nội dung 3.3 Thực hiện rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC (1 điểm) <i>(dự thảo 2 điểm)</i></p>
			<p>Nội dung 7.2 Về phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu: Phòng Tư pháp không có chức năng, nhiệm vụ thực hiện xây dựng, kết nối các ứng dụng có dữ liệu dùng chung. Hiện nay thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất.</p> <p>Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm bảo xây dựng để chấm điểm cho các đơn vị trên cơ sở áp dụng các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM)</p>
			<p>Nội dung 7.3.2 Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: Phòng Tư pháp đang thực hiện việc trả kết quả ngay sau khi tiếp nhận đối với một số thủ tục hành chính. Qua triển khai thực hiện, Phòng nhận thấy việc trả kết quả ngay sau khi tiếp nhận mang lại hiệu quả thiết</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất.</p> <p>Lý do: Thành phố đã cơ cấu tinh giảm nội dung này đối với Quận trên cơ sở các ngành, lĩnh vực có áp dụng hồ sơ trực tuyến toàn trình</p>

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
			<p>thực, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân. Việc thực hiện trực tuyến hoặc liên hệ trực tiếp cơ quan để thực hiện thủ tục hành chính là do người dân lựa chọn. Quy trình tiếp nhận và giải quyết trực tiếp thủ tục trích lục bản sao thực hiện còn 03 bước thay vì 07 bước theo Dịch vụ công => kiến nghị báo cáo Thành phố xem xét lại quy trình 07 bước trên Dịch vụ công để rút ngắn thời gian giải quyết.</p> <p>Nội dung 7.3.3 Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố: Phòng Tư pháp thực hiện theo triển khai của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, do đó đề nghị chấm điểm Văn phòng Ủy ban nhân dân, không tính điểm cho các phòng, ban.</p>	<p>Đồng thời, đề nghị Phòng Tư pháp có văn bản gửi Văn phòng UBND quận kiến nghị báo cáo Thành phố xem xét lại quy trình 07 bước trên Dịch vụ công để rút ngắn thời gian giải quyết.</p> <p>Phòng Nội vụ không thống nhất. Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm bảo xây dựng để chấm điểm cho các đơn vị đối với nội dung thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công trực tuyến. Văn phòng UBND quận là cơ quan triển khai theo văn bản yêu cầu của Thành phố</p>
5.	Kinh tế	TN		
6.	LĐ-TB&XH	TN		
7.	VH&TT	TN		
8.	QLĐT	TN		
9.	TN&MT	TN		

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
10.	GD&ĐT	TN		
11.	Y tế	TN		
12.	Thanh tra	Góp ý	<p>Nội dung 1.3 Công tác tuyên truyền cải cách hành chính “Thực hiện bài viết tuyên truyền cải cách hành chính định kỳ hàng quý: 02 điểm (không tính điểm đối với bài viết tuyên truyền sưu tầm)”: Đề nghị xem xét lại quy định đối với tiêu chí này. Lý do: công tác tuyên truyền cần được đa dạng hình thức để phù hợp với từng loại đối tượng; do vậy sẽ tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau. Mặt khác, Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính theo QĐ 3494 của Thành phố không có nội dung phải thực hiện bài viết tuyên truyền cải cách hành chính định kỳ hàng quý.</p> <p>Nội dung 1.5 Sáng kiến trong cải cách hành chính (3 điểm): Đề nghị nêu rõ cách xác định điểm đối với tiêu chí này.</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất</p> <p>Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm thường cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm bảo xây dựng để chấm điểm cho các đơn vị. Trên cơ sở Bài viết tuyên truyền CCHC hàng quý của các cơ quan, đơn vị, Phòng Nội vụ tham mưu, chọn lọc bài viết để gửi về Sở Nội vụ và nội dung gửi bài viết tuyên truyền CCHC được tính điểm khung trong thang điểm đánh giá năm của Sở Nội vụ đối với Quận.</p>
				<p>Phòng Nội vụ thống nhất điều chỉnh, số điểm là 2 điểm (<i>dự thảo là 3 điểm</i>) và bổ sung nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có gửi Bản đăng ký sáng kiến CCHC: 1 điểm + Không gửi Bản đăng ký: 0 điểm - Báo cáo kết quả sáng kiến CCHC theo văn bản đề nghị: 1 điểm + Không gửi báo cáo kết quả sáng kiến theo văn bản đề nghị: - 0,5 điểm

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
			<p>Nội dung 3.3 – Thực hiện rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính (02 điểm) có quy định “<i>Có kiến nghị cải cách thủ tục hành chính, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, tham quyền, liên thông, kết hợp thủ tục hành chính/nhóm thủ tục hành chính): 01 điểm</i>”: Đề nghị xem xét lại cách tính điểm đối với tiêu chí này. Lý do: khi thực hiện công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, các cơ quan, đơn vị đã nghiên cứu quy định pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế để có đề xuất, kiến nghị với Thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc đơn giản hóa thủ tục hành chính. Việc chấp thuận hay chưa chấp thuận đối với nội dung đề xuất, kiến nghị phụ thuộc vào việc xem xét, xử lý của Thành phố. Do đó, việc quy định các đề xuất, kiến nghị phải được chấp thuận mới được tính điểm là chưa phù hợp.</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất. Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm bảo xây dựng đề chấm điểm cho các đơn vị.</p>
II. PHỤ LỤC 2 - Khối Hành chính thường (14 phường)				
1.	UBND P1	TN		
2.	UBND P2	TN		

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
3.	UBND P3	TN		
4.	UBND P4	TN		
5.	UBND P5	TN		
6.	UBND P6	TN		
7.	UBND P7	TN		
8.	UBND P8	TN		
9.	UBND P9	TN		
10.	UBND P10	TN		
11.	UBND P11	TN		
12.	UBND P12	TN		
13.	UBND P13	TN		
14.	UBND P14	TN		
III. Khối Sự nghiệp (58 đơn vị)				
1. PHỤ LỤC 4 - Sự nghiệp khác (08 đơn vị)				
1.	BBT-GPMB	TN		
2.	BQL dự án	TN		
3.	BQL Công viên	TN		
4.	Trung tâm VH-TT	TN		
5.	Trung tâm Y tế	Không gửi góp ý		

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
6.	Chợ Bình Tây	Góp ý	<p>Nội dung 2.2 Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao: BQL chợ là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2) với mức tự đảm bảo 100% trở lên chi thường xuyên, cấp có thẩm quyền không giao biên chế</p> <p>Nội dung 3.1 Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị: BQL chợ không thực hiện tuyển dụng viên chức</p>	<p>Phòng Nội vụ thông nhất điều chỉnh câu từ “<i>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao</i>” thành “Thực hiện quy định về sử dụng biên chế / lao động theo quy định”</p> <p>Phòng Nội vụ thông nhất điều chỉnh câu từ “<i>Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị</i>” thành “Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức / lao động tại đơn vị”</p>
7.	Chợ Bình Tiên	TN	<p>Nội dung 3.4 Thực hiện tinh giản biên chế: BQL chợ không thực hiện tinh giản biên chế vì BQL chợ là ĐVSN tự chủ 100% về nguồn thu, chi đảm bảo cho các hoạt động thường xuyên do đó chỉ tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với người lao động để phục vụ cho các hoạt động tại chợ và chấm dứt Hợp đồng LĐ nếu người LĐ không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao.</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất</p> <p>Lý do: đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quận có cán bộ lãnh đạo đơn vị là viên chức được Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, do đó vẫn áp dụng quy định về thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ</p>
8.	Chợ Minh Phụng	TN		
9.	Chợ Phú Lâm	TN		
2. PHỤ LỤC 3 - Sự nghiệp Giáo dục (50 đơn vị)				
1.	TT GDNN-GDTC	TN		

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN) /Góp ý	Nội dung góp ý	
2.	Trường BDGD	TN		
3.	Trường Hy Vọng	Không gửi góp ý		
4.	THCS Ng. Đức Cảnh	TN		
5.	THCS Đoàn Kết	TN		
6.	THCS Bình Tây	TN		
7.	THCS Phú Định	TN		
8.	THCS Văn Thân	TN		
9.	THCS P.Đình Hồ	TN		
10.	THCS NV Lương	TN		
11.	THCS Hậu Giang	TN		
12.	THCS Lam Sơn	TN		
13.	THCS H.Lê.Kha	TN		
14.	TH Bình Tiên	TN		
15.	TH Chi Lăng	TN		
16.	TH C.V.Liêm	TN		
17.	TH Kim Đồng	TN		
18.	TH Nhật Tảo	TN		
19.	TH Lê Văn Tám	TN		
20.	TH Lam Sơn	TN		



STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phức đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
21.	TH Nguyễn Huệ	TN		
22.	TH Phú Định	TN		
23.	TH Phú Lâm	TN		
24.	TH Phú Đồng	TN		
25.	TH N.T.Thuật	TN		
26.	TH T.C.Định	TN		
27.	TH Phạm V Chí	TN		
28.	TH Võ Văn Tần	TN		
29.	TH Him Lam	TN		
30.	TH Hùng Vương	TN		
31.	TH NV Lương	TN	Nội dung 4.5. Thực hiện tin gián biên chế: “ <i>Có đối tượng tinh giản biên chế 2đ</i> ” trường hợp không có đối tượng tinh giản do đảm bảo các chức danh của Đề án vị trí việc làm thì đạt bao nhiêu điểm; có kế hoạch mà không có đối tượng tinh giản thì bao nhiêu điểm	Phòng Nội vụ không thống nhất Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm bảo xây dựng để chấm điểm cho các đơn vị.
32.	TH Đặng Ng. Cẩn	TN		
33.	MNRĐ 1	TN		
34.	MNRĐ 2	Không gửi góp ý		
35.	MNRĐ 3	TN		

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
36.	MNRĐ 4	TN		
37.	MNRĐ 5	TN		
38.	MNRĐ 5A	Góp ý	<p>Nội dung 1.3 Công tác tuyên truyền CCHC “Thực hiện bài viết tuyên truyền CCHC định kỳ hàng quý 2đ”: chưa phù hợp khi áp dụng đối với các đơn vị trường học, do công tác CCHC ở trường học nhất là khối mầm non không nhiều quy trình như các cơ quan hành chính khác</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm thường cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm bảo xây dựng để chấm điểm cho các đơn vị. Trên cơ sở Bài viết tuyên truyền CCHC hàng quý của các cơ quan, đơn vị, Phòng Nội vụ tham mưu, chọn lọc bài viết để gửi về Sở Nội vụ và nội dung gửi bài viết tuyên truyền CCHC được tính điểm khung trong thang điểm đánh giá năm của Sở Nội vụ đối với Quận.</p>
			<p>Nội dung 4.5.1 Thực hiện tinh giản biên chế “Có đối tượng tinh giản biên chế 2đ”: hiện tại số lượng biên chế tại trường chỉ vừa đủ để đảm bảo công tác chăm sóc, giáo dục và các hoạt động khác; số lượng giáo viên và nhân viên trường hiện tại đa phần là lực lượng trẻ, không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm bảo xây dựng để chấm điểm cho các đơn vị.</p>
			<p>Nội dung 5.3. Tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho viên chức “Không tăng thu nhập cho viên chức 0đ”: ban lãnh đạo trường thường xuyên đề cao tinh thần tiết kiệm,</p>	<p>Phòng Nội vụ không thống nhất Lý do: đây là tiêu chí đánh giá do Thành phố áp dụng để chấm điểm cho Quận nên Phòng Nội vụ vẫn phải đảm</p>

STT	Cơ quan	Góp ý		Ý kiến phúc đáp
		Thông nhất (TN)/Góp ý	Nội dung góp ý	
			chống lãng phí trong mọi hoạt động của đơn vị. Tuy nhiên nguồn kinh phí ngân sách cấp mỗi năm tùy thuộc vào tình hình thực tế tại đơn vị, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến việc chi thu tăng thu nhập cho CB-GV-NV nhà trường.	bảo xây dựng để chấm điểm cho các đơn vị.
39.	MNRĐ 6	TN		
40.	MNRĐ 6A	TN		
41.	MNRĐ Quận 6	TN		
42.	MNRĐ 7	TN		
43.	MNRĐ 8	TN		
44.	MNRĐ 9	TN		
45.	MNRĐ 10	TN		
46.	MNRĐ 11	TN		
47.	MNRĐ 11A	TN		
48.	MNRĐ 12	TN		
49.	MNRĐ 13	TN		
50.	MNRĐ 14	TN		

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6